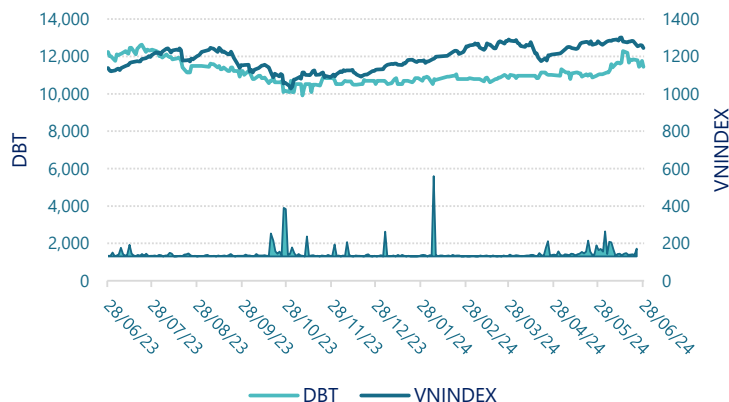


CTCP Dược phẩm Bến Tre (HSX: DBT)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 28/06/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	13,050
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,632
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,912
SL cổ phiếu LH	16,325,477
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,885
% sở hữu nước ngoài	1.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	213
P/E	14.0
EPS	935

DT thuần

Q2/24

224

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 39.0 | 21.1%

YoY: ▲ 21.0 | 10.4%

LN sau thuế

Q2/24

1.39

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 4.72 | -77.2%

YoY: ▲ 2.49 | 227%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

6.0%

+/- YoY: ▲ 0.8%

DT thuần

6T 2024

409

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 33.0 | 8.8%

LN sau thuế

6T 2024

7.50

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 1.46 | -16.3%

ROE

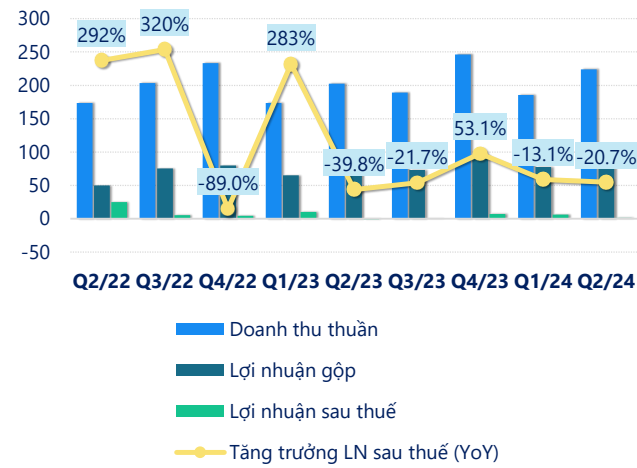
Q2/24

6.0%

+/- YoY: ▼ 2.4%

tỷ VNĐ

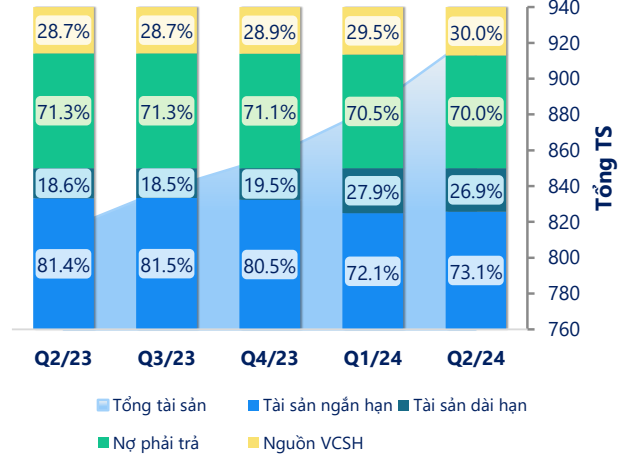
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

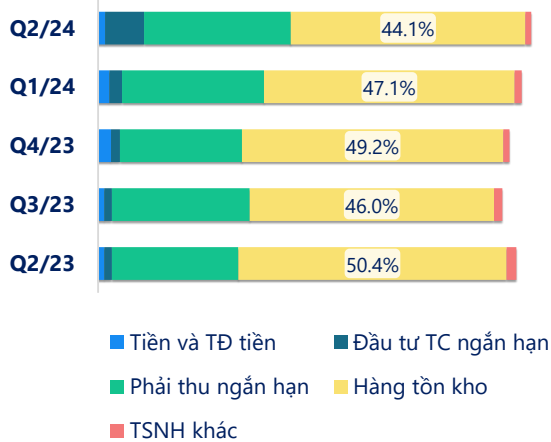
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



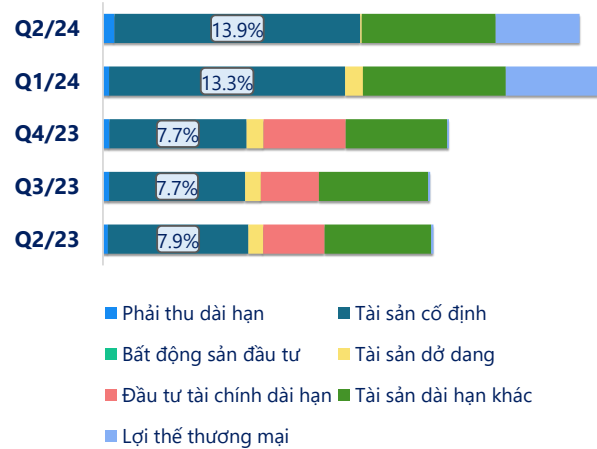
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

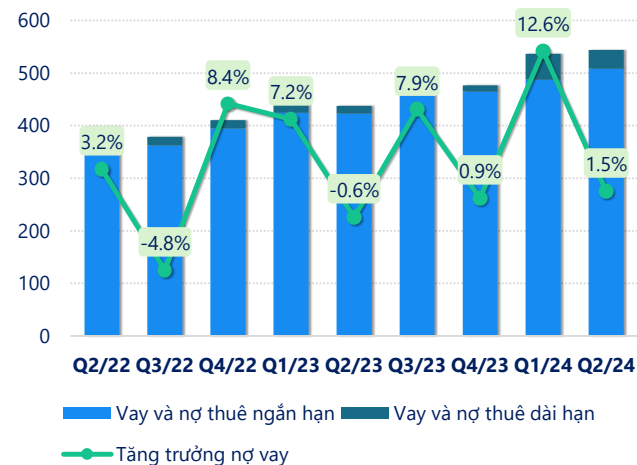
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

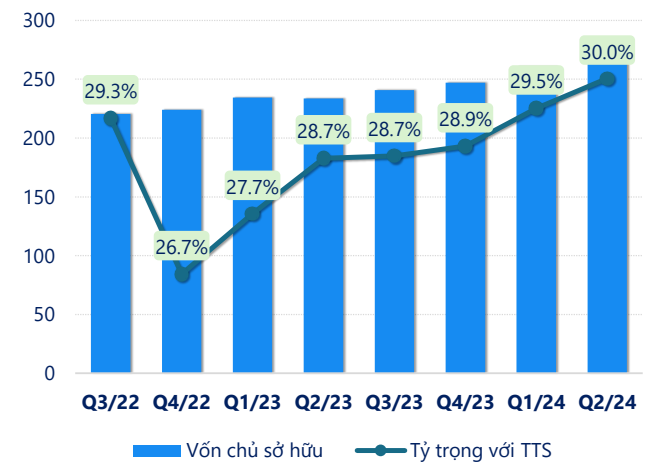
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

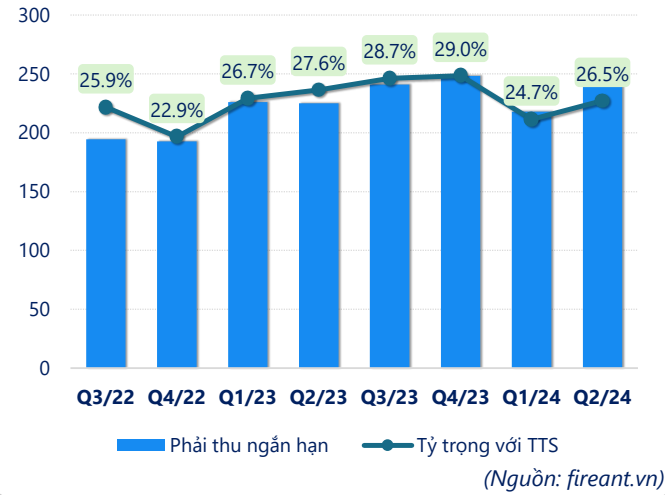
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

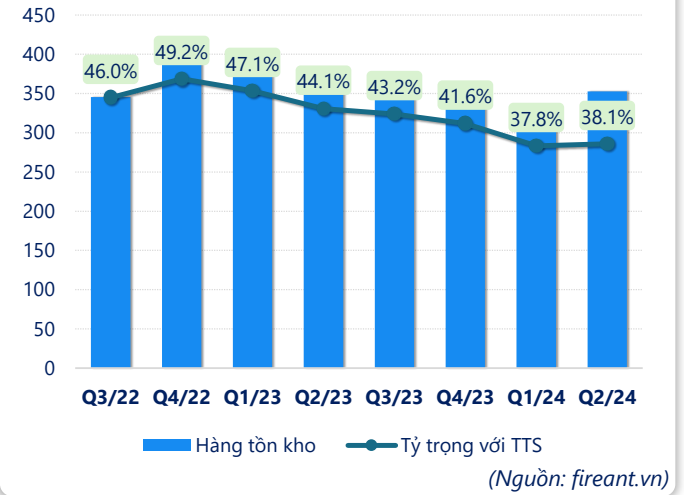


(Nguồn: fireant.vn)

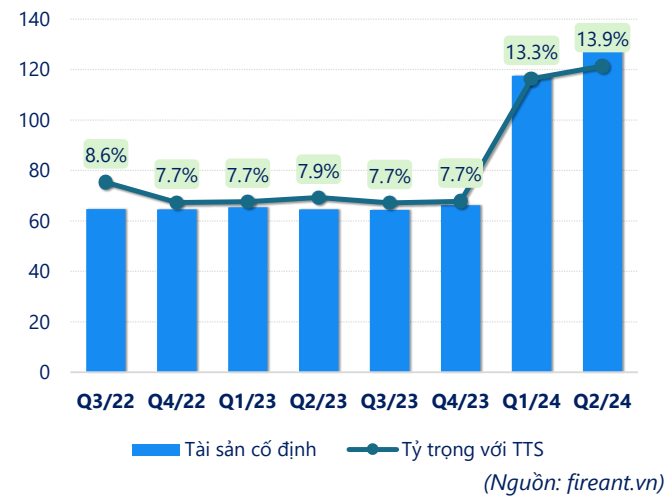
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


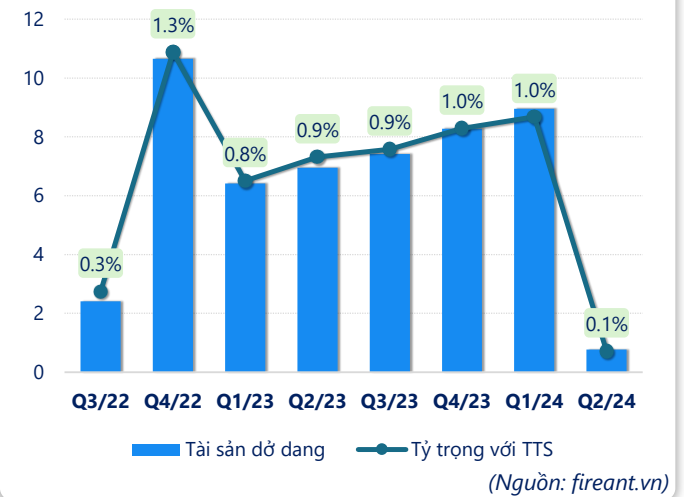
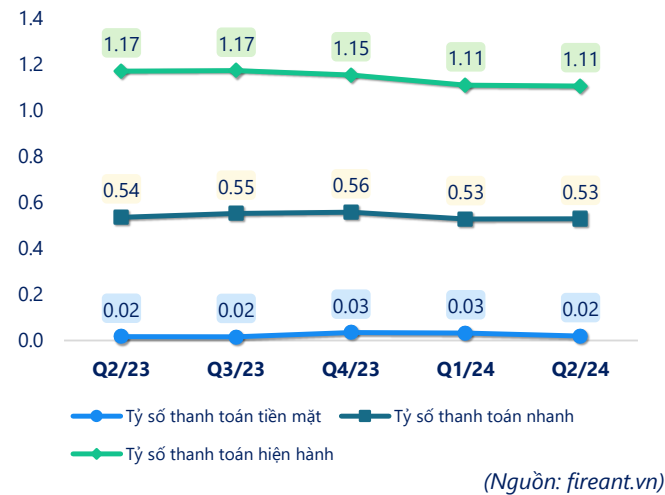
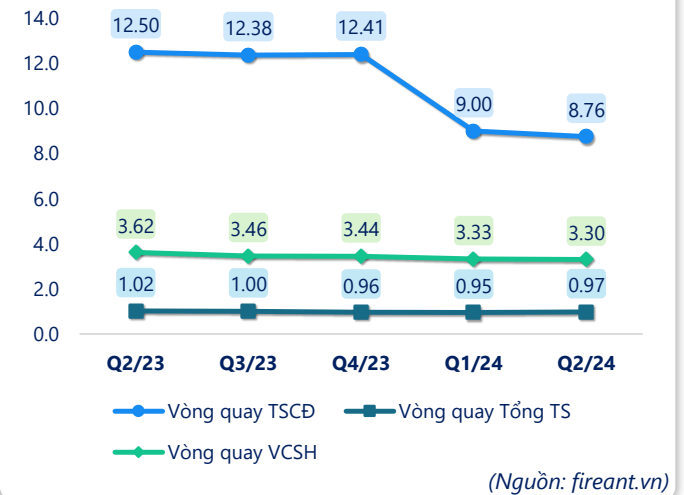
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	815	839	856	884	925
Tài sản ngắn hạn	663	684	689	637	677
Tiền và tương đương tiền	9.52	9.38	20.6	18.3	12.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.1	65.1	61.1	61.1	63.3
Phải thu ngắn hạn	225	241	248	218	245
Hàng tồn kho	360	362	356	334	353
Tài sản ngắn hạn khác	9.22	6.19	3.25	5.74	3.33
Tài sản dài hạn	152	155	167	247	249
Phải thu dài hạn	2.31	2.87	3.08	3.12	5.96
Tài sản cố định	64.5	64.4	66.3	118	128
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.95	7.41	8.28	8.95	0.77
Đầu tư tài chính dài hạn	28.1	27.5	39.7	0	0
Tài sản dài hạn khác	49.1	51.6	48.9	71.2	69.9
Lợi thế thương mại	1.07	0.99	0.90	46.0	43.7
Nợ phải trả	582	598	609	623	648
Nợ ngắn hạn	567	583	597	574	612
Vay và nợ thuê ngắn hạn	423	457	465	487	508
Phải trả người bán ngắn hạn	106	77.0	84.3	60.5	67.3
Nợ dài hạn	14.9	15.1	11.7	48.9	35.9
Vay và nợ thuê dài hạn	14.8	15.0	11.7	48.9	35.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	234	241	247	261	278
Vốn chủ sở hữu	234	241	247	261	278
Vốn điều lệ	156	163	163	163	163
Kinh phí và quỹ khác	0.05	0.05	0.05	0.05	0.05

(Nguồn: fireant.vn)